

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐĂNG KÍ TUẦN LỄ VÀNG

Chú ý: Các bạn nhớ mã số ứng viên của mình khi đi đăng kí

	Họ & Tên	Ngành học	Mã số ứng viên
9111049	Nguyễn Nhật Linh	Cơ Điện Tử	1
9111081	Mai Xuân Thạch	Cơ Điện Tử	2
10111002	Ngô Gia Bảo	Cơ Điện Tử	3
10111007	Lê Công Dũng	Cơ Điện Tử	4
10111011	Phạm Văn Dược	Cơ Điện Tử	5
10111025	Đỗ Công Hưng	Cơ Điện Tử	6
10111058	Hồ Quang Sang	Cơ Điện Tử	7
10111066	Lê Nguyễn Công Thanh	Cơ Điện Tử	8
10111094	Thái Anh Tùng	Cơ Điện Tử	9
10111106	Phạm Hồng Giang	Cơ Điện Tử	10
10111140	Quảng Mậu Dũng	Cơ Điện Tử	11
10111153	nguyễn minh nhựt	Cơ Điện Tử	12
10111162	Phan Viết Anh Việt Vương	Cơ Điện Tử	13
10111165	Nguyễn Văn Minh	Cơ Điện Tử	14
11146003	Trương Đại An	Cơ Điện Tử	15
11146014	Đào Tuấn Cường	Cơ Điện Tử	16
11146014	Đào Tuấn Cường	Cơ Điện Tử	17
11146080	ĐẶNG TRƯỞNG QUỐC PHÚ	Cơ Điện Tử	18
11146111	Nguyễn Hữu Thịnh	Cơ Điện Tử	19
11146147	Nguyễn Đặng Hoàng Vũ	Cơ Điện Tử	20
11146224	Phan Phương Bình	Cơ Điện Tử	21
11146251	Nguyen Minh Nhut	Cơ Điện Tử	22
11146259	Quách Thị Nam Phương	Cơ Điện Tử	23
Vjec	NGUYỄN HOÀNG DZŨ	Cơ Điện Tử	24
Vjec	MAI KIM TOÀN	Cơ Điện Tử	25
Vjec	PHAN THANH TOÀN	Cơ Điện Tử	26
Vjec	ĐẶNG HOÀNG VƯƠNG	Cơ Điện Tử	27
Vjec	MÃ NGỌC THÀNH NHÂN	Cơ Điện Tử	28
Vjec	ĐẶNG THÁI QUYỀN	Cơ Điện Tử	29
Vjec	ĐINH TRẦN ĐĂNG KHANH	Cơ Điện Tử	30
Vjec	NGUYỄN THÀNH NHÂN	Cơ Điện Tử	31
Vjec	ĐỒNG MINH TẤN	Cơ Điện Tử	32
Vjec	NGUYỄN BÙI ANH KHOA	Cơ Điện Tử	33
Vjec	PHAN PHƯƠNG BÌNH	Cơ Điện Tử	34
Vjec	PHAN NGỌC HIỀN	Cơ Điện Tử	35

10911001	Ngô Dương Trường Khánh	Cơ Điện Tử_sp	36
10911002	Huỳnh Đăng Khuyến	Cơ Điện Tử_sp	37
10911039	Trương Duy Nguyên	Cơ Điện Tử_sp	38
10911069	Trần Vĩnh Thiên An	Cơ Điện Tử_sp	39
10911074	Nguyễn Văn Nhanh	Cơ Điện Tử_sp	40
1114381	Lê Minh Tuấn	Cơ Khí Chế Tạo Máy	41
7103121	Lương Trường Thành	Cơ Khí Chế Tạo Máy	42
7107037	nguyễn hoàng oanh	Cơ Khí Chế Tạo Máy	43
9203036	PHAN QUỐC NAM	Cơ Khí Chế Tạo Máy	44
9903034	Trần Hồng Tâm	Cơ Khí Chế Tạo Máy	45
10103023	Ung Văn Cường	Cơ Khí Chế Tạo Máy	46
10103054	Trần Văn Hiệu	Cơ Khí Chế Tạo Máy	47
10103092	Võ Thế Mỹ	Cơ Khí Chế Tạo Máy	48
10103105	Nguyễn Quốc Oắt	Cơ Khí Chế Tạo Máy	49
10103113	Hà Quốc Phúc	Cơ Khí Chế Tạo Máy	50
10103114	Huỳnh Hữu Phúc	Cơ Khí Chế Tạo Máy	51
10103123	Hà Bảo Quốc	Cơ Khí Chế Tạo Máy	52
10103146	Huỳnh Văn Thọ	Cơ Khí Chế Tạo Máy	53
10103156	nguyễn Đức Tiến	Cơ Khí Chế Tạo Máy	54
10103192	Chau Sa Runh	Cơ Khí Chế Tạo Máy	55
10103204	Nguyễn Thành Duy	Cơ Khí Chế Tạo Máy	56
10103243	Trịnh Thế Phúc	Cơ Khí Chế Tạo Máy	57
10103243	Trịnh Thế Phúc	Cơ Khí Chế Tạo Máy	58
10103268	Phạm Đức Trung	Cơ Khí Chế Tạo Máy	59
10103281	Đỗ Thành Việt	Cơ Khí Chế Tạo Máy	60
10103287	Đào Minh Duân	Cơ Khí Chế Tạo Máy	61
10103302	Lê Văn Tiến	Cơ Khí Chế Tạo Máy	62
10103302	lê văn tiến	Cơ Khí Chế Tạo Máy	63
10107006	Nguyễn Công Phúc	Cơ Khí Chế Tạo Máy	64
10203024	Đinh Xuân Hiếu	Cơ Khí Chế Tạo Máy	65
10203080	Đinh Khắc Thuận	Cơ Khí Chế Tạo Máy	66
10903005	Huỳnh Phú Nguyên	Cơ Khí Chế Tạo Máy	67
10903010	HỒ ANH TÚ	Cơ Khí Chế Tạo Máy	68
10903029	Nguyễn Xuân Khang	Cơ Khí Chế Tạo Máy	69
10903053	Lê Văn Quân	Cơ Khí Chế Tạo Máy	70
10903063	TRẦN ĐÌNH THỊNH	Cơ Khí Chế Tạo Máy	71
11143017	Lê Thành Danh	Cơ Khí Chế Tạo Máy	72
11143057	Dương Phước Hoàng	Cơ Khí Chế Tạo Máy	73
11143091	Nguyễn Văn Lương	Cơ Khí Chế Tạo Máy	74
11143092	NGUYỄN THANH MẠNH	Cơ Khí Chế Tạo Máy	75
11143135	Nguyễn Ngọc Tân	Cơ Khí Chế Tạo Máy	76
11143339	Lê Quang Dũng	Cơ Khí Chế Tạo Máy	77

11143344	nguyễn xuân hiếu	Cơ Khí Chế Tạo Máy	78
11143357	nguyễn thế lữ	Cơ Khí Chế Tạo Máy	79
11243006	Nguyễn Hữu Chinh	Cơ Khí Chế Tạo Máy	80
11243047	Trần Vũ Thành	Cơ Khí Chế Tạo Máy	81
11343008	Vũ Văn Đan	Cơ Khí Chế Tạo Máy	82
11343013	Trâm Vũ Hoàn	Cơ Khí Chế Tạo Máy	83
11743062	Lê Văn Tuấn	Cơ Khí Chế Tạo Máy	84
12143457	Bùi Cương	Cơ Khí Chế Tạo Máy	85
12343017	Tơ Văn Dương	Cơ Khí Chế Tạo Máy	86
12343022	nguyễn anh điệp	Cơ Khí Chế Tạo Máy	87
12343049	Gip Tú Long	Cơ Khí Chế Tạo Máy	88
12343054	Lê Viễn Luân	Cơ Khí Chế Tạo Máy	89
8105129	ĐÀO LÊ KHÁNH TRUNG	Cơ Khí Động Lực	90
8705013	Bùi Nguyễn Anh Thy	Cơ Khí Động Lực	91
8705103	Huỳnh Minh Tuấn	Cơ Khí Động Lực	92
9105234	Dương Xuân Trường	Cơ Khí Động Lực	93
10105005	NGUYỄN HOÀI ÂN	Cơ Khí Động Lực	94
10105033	Nguyễn Văn Hậu	Cơ Khí Động Lực	95
10105059	Phạm Tấn Lâm	Cơ Khí Động Lực	96
10105079	Trà Lưu Đức Nhân	Cơ Khí Động Lực	97
10105123	Trần Ngọc Thiên	Cơ Khí Động Lực	98
10105129	Bùi Văn Thọ	Cơ Khí Động Lực	99
10105139	Tô Thành Tín	Cơ Khí Động Lực	100
10105140	Lê Thế Toàn	Cơ Khí Động Lực	101
10105141	nguyễn đình toàn	Cơ Khí Động Lực	102
10205006	BÙI VĂN CHÁNH	Cơ Khí Động Lực	103
10205010	NGUYỄN NGỌC DUY	Cơ Khí Động Lực	104
10205011	Trình Phùng Minh Duy	Cơ Khí Động Lực	105
10205042	ĐỖ QUỐC THI	Cơ Khí Động Lực	106
10205045	Nguyễn Viết Triệu	Cơ Khí Động Lực	107
10205046	Nguyễn Anh Quốc Trường	Cơ Khí Động Lực	108
10205047	Nguyễn Dân Trưỡng	Cơ Khí Động Lực	109
10205051	Phạm Ngọc Thanh Tùng	Cơ Khí Động Lực	110
11145024	Lê Bá Dung	Cơ Khí Động Lực	111
11145062	Tổng Đình Khoa	Cơ Khí Động Lực	112
11145072	Phạm Thành Lung	Cơ Khí Động Lực	113
11145119	Nguyễn Hoài Thanh	Cơ Khí Động Lực	114
11245029	Nguyễn Ngọc Linh	Cơ Khí Động Lực	115
11245040	Võ Thanh Phước	Cơ Khí Động Lực	116
11373811	Nguyễn khoa Đàm	Cơ Khí Động Lực	117
12345036	Huỳnh Vạn Hoàng	Cơ Khí Động Lực	118
12345077	Hồ Sông Phi	Cơ Khí Động Lực	119

12345130	Đào Hải Vững	Cơ Khí Động Lực	120
12745078	Lê Công Hậu	Cơ Khí Động Lực	121
14645008	Nguyễn Vũ Linh	Cơ Khí Động Lực	122
10905048	TRẦN THANH LAM	Cơ Khí Động Lực_sp	123
10905091	Lê Văn Định	Cơ Khí Động Lực_sp	124
10905097	Nguyễn Bá Phước	Cơ Khí Động Lực_sp	125
7106057	Lê Thanh Sang	Cơ Tin Kỹ Thuật	126
8106017	Lê Xuân Hiệp	Cơ Tin Kỹ Thuật	127
10106013	Đông Thị Hằng	Cơ Tin Kỹ Thuật	128
10108002	Lương Hoài Bảo	Công Nghệ In	129
10108027	Nguyễn Đức Tân	Công Nghệ In	130
10108032	Mai Xuân Tri	Công Nghệ In	131
11148039	Nguyễn Thị Lương Mỹ Nhan	Công Nghệ In	132
11148101	Nguyễn Bá Thắng	Công Nghệ In	133
11148141	Bùi Văn Nhân Quý	Công Nghệ In	134
11144042	Hoàng Văn Hùng	Công Nghệ Kỹ Thuật Cơ Khí	135
11144091	Văn Duy Thái	Công Nghệ Kỹ Thuật Cơ Khí	136
11144092	Lê Đình Thanh	Công Nghệ Kỹ Thuật Cơ Khí	137
11144093	Đỗ Ngọc Thảo	Công Nghệ Kỹ Thuật Cơ Khí	138
11144143	nguyễn Thanh Huy	Công Nghệ Kỹ Thuật Cơ Khí	139
11144215	Đỗ Ngọc Tuấn Anh	Công Nghệ Kỹ Thuật Cơ Khí	140
10115026	Đoàn Phương Hồng	CNKT Môi Trường	141
10115033	Võ Đức Lập	CNKT Môi Trường	142
10115034	NGUYỄN VÕ THỊ KIM LOAN	CNKT Môi Trường	143
10115038	Đinh Thị Mỹ	CNKT Môi Trường	144
10115040	Lê Bin Nể	CNKT Môi Trường	145
10115044	Nguyễn thị mỹ nhân	CNKT Môi Trường	146
10115048	Hoàng Thị Tuyết Nhung	CNKT Môi Trường	147
10115054	Đoàn Thị Kim Quyên	CNKT Môi Trường	148
10115055	LÊ THỊ THANH QUỲNH	CNKT Môi Trường	149
10115059	Nguyễn Văn Thanh	CNKT Môi Trường	150
10115073	Trần Minh Tiễn	CNKT Môi Trường	151
10115074	Nguyễn Thị Ánh Tiết	CNKT Môi Trường	152
11116090	Phan Thị Dung	CNKT Môi Trường	153
11150011	Đặng Kim Chi	CNKT Môi Trường	154
11150023	Đoàn Thanh Hòa	CNKT Môi Trường	155
11150039	Nguyễn Phạm Tú Ngân	CNKT Môi Trường	156
11150044	Nguyễn Thị Thanh Nhã	CNKT Môi Trường	157
11150069	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	CNKT Môi Trường	158
11150073	Nguyễn Thành Trung	CNKT Môi Trường	159
11150107	Trần Anh Dũng	CNKT Môi Trường	160
11150116	Dương Thị Hoài	CNKT Môi Trường	161

11150126	Nguyễn Thị Huỳnh	CNKT Môi Trường	162
11150170	Vũ Đức Quang Công	CNKT Môi Trường	163
11109015	Nguyễn Thị Đông	Công Nghệ May	164
11109020	Hồ Thị Ngọc Hiền	Công Nghệ May	165
11109030	Nguyễn Thị Thúy Kiều	Công Nghệ May	166
11109045	nguyễn phượng ly	Công Nghệ May	167
11109050	Thái Hoàng Lan Ngân	Công Nghệ May	168
11109052	Võ Thị Trúc Nghi	Công Nghệ May	169
11109058	Trần Thị Nhân	Công Nghệ May	170
11109061	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	Công Nghệ May	171
11109063	Nguyễn Trần Thị Huỳnh Như	Công Nghệ May	172
11109066	La Mai Phuong	Công Nghệ May	173
11109072	Nguyễn Thị Hồng Tâm	Công Nghệ May	174
11109077	Trần Thị Phương Thảo	Công Nghệ May	175
11109080	TÔ THỊ KIM THOA	Công Nghệ May	176
11109083	Nguyễn Thị Thúy	Công Nghệ May	177
11109103	Phạm Thị Tú Trinh	Công Nghệ May	178
11109106	nguyễn thu trúc	Công Nghệ May	179
11109107	Phan Thị Thanh Tú	Công Nghệ May	180
11709006	Nguyễn Đông Ái	Công Nghệ May	181
11709052	Nguyễn Thị Phúc	Công Nghệ May	182
12309024	Đỗ Thảo Nguyên	Công Nghệ May	183
9123050	Trương Thị Minh Thảo	Công Nghệ May và Thời Trang	184
10109034	Trần Thị Thanh	Công Nghệ May và Thời Trang	185
10109036	Nguyễn Thị Mỹ Thoa	Công Nghệ May và Thời Trang	186
10123040	Trần Thanh Quý	Công Nghệ May và Thời Trang	187
10123086	Nguyễn Thị Tú Trinh	Công Nghệ May và Thời Trang	188
11209004	Trần Xuân Mai	Công Nghệ May và Thời Trang	189
12709082	Nguyễn Thị Thu Hiền	Công Nghệ May và Thời Trang	190
12709152	Hồ Trọng Mộng	Công Nghệ May và Thời Trang	191
12709229	Đặng Thị Rốp	Công Nghệ May và Thời Trang	192
10110001	Nguyễn Duy An	Công Nghệ Thông Tin	193
10110019	Võ Đức Duy	Công Nghệ Thông Tin	194
10110035	Phan Dương Hiền	Công Nghệ Thông Tin	195
10110056	Đào Duy Khánh	Công Nghệ Thông Tin	196
10110062	Trần Quốc Lĩnh	Công Nghệ Thông Tin	197
10110086	Võ Quang Phúc	Công Nghệ Thông Tin	198
11110007	Nguyễn Thế Bảo	Công Nghệ Thông Tin	199
11110007	Nguyễn Thế Bảo	Công Nghệ Thông Tin	200
11110042	Võ Thị Hiền	Công Nghệ Thông Tin	201
11110042	Võ Thị Hiền	Công Nghệ Thông Tin	202
11110069	Nguyễn Hải Linh	Công Nghệ Thông Tin	203

11110147	Nguyễn Hữu Trí	Công Nghệ Thông Tin	204
11110171	Đỗ Hoàng Yến	Công Nghệ Thông Tin	205
13110193	Nguyễn Hoàng Vĩ	Công Nghệ Thông Tin	206
10910048	Lê Cao Nguyên	Công Nghệ Thông Tin_sp	207
10910403	Bùi Kim Cúc	Công Nghệ Thông Tin_sp	208
10910423	nguyễn thị trà my	Công Nghệ Thông Tin_sp	209
11910036	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Công Nghệ Thông Tin_sp	210
7112063	Lý Thái Pháp	Công Nghệ Tự Động	211
7112081	Lê Mỹ Thiện	Công Nghệ Tự Động	212
8112040	Nguyễn Văn Hưng	Công Nghệ Tự Động	213
8112105	Nguyễn Hữu Trưởng	Công Nghệ Tự Động	214
8112109	Lê Duy Tùng	Công Nghệ Tự Động	215
9112154	Phạm Xuân Hiếu	Công Nghệ Tự Động	216
9112156	Nguyễn Thành Hóa	Công Nghệ Tự Động	217
9112189	Quảng Trọng Nguyễn	Công Nghệ Tự Động	218
10112017	Lê Tiến Đoàn	Công Nghệ Tự Động	219
10112023	Phạm Hữu Đức	Công Nghệ Tự Động	220
10112037	Trần Đình Hoàng	Công Nghệ Tự Động	221
10112043	Bùi Thanh Hưng	Công Nghệ Tự Động	222
10112076	Phan Thanh Quang	Công Nghệ Tự Động	223
10112080	Nguyễn Võ Sâm	Công Nghệ Tự Động	224
10112111	Nguyễn Minh Tú	Công Nghệ Tự Động	225
10112123	Hoàng Thạch Vĩnh	Công Nghệ Tự Động	226
10112123	Hoàng Thạch Vĩnh	Công Nghệ Tự Động	227
10112128	TRẦN THIÊN Ý	Công Nghệ Tự Động	228
10112188	Phạm Tuấn Anh	Công Nghệ Tự Động	229
10118011	Lê Hải Diện	Công Nghệ Tự Động	230
10118080	nguyên thanh tuần	Công Nghệ Tự Động	231
10118152	Trần Thị Xinh	Công Nghệ Tự Động	232
10118156	Phạm Thị Kim Ánh	Công Nghệ Tự Động	233
11151008	Nguyễn Thành Chiến	Công Nghệ Tự Động	234
11151066	Nguyễn Công Thành	Công Nghệ Tự Động	235
11151067	Trương Minh Thành	Công Nghệ Tự Động	236
11151100	Lê Thị Kim Vui	Công Nghệ Tự Động	237
5201065	Dương Hồ Vũ	Điện - Điện tử	238
7101092	Thạch Quỳnh	Điện - Điện tử	239
7101141	TRẦN CÔNG TRÌNH	Điện - Điện tử	240
8101165	Nguyễn Trung Vân	Điện - Điện tử	241
9101060	Nguyễn Duy Lâm	Điện - Điện tử	242
9201011	Lê Đình Đức	Điện - Điện tử	243
9201014	VÕ VĂN GỎI	Điện - Điện tử	244
10101006	Phạm Ngọc Bảo	Điện - Điện tử	245

10101057	Huỳnh Kim Hữu	Điện - Điện tử	246
10101062	Lương Duy Khánh	Điện - Điện tử	247
10101063	Văn Ngọc Khánh	Điện - Điện tử	248
10101081	Nguyễn Đức Nghĩa	Điện - Điện tử	249
10101120	Nguyễn Phú Thành	Điện - Điện tử	250
10101121	phan trường thành	Điện - Điện tử	251
10101133	Nguyễn Văn Thơm	Điện - Điện tử	252
10101138	Nguyễn Uy Tín	Điện - Điện tử	253
10101143	Trần Huy Trình	Điện - Điện tử	254
10101146	Trần Văn Trung	Điện - Điện tử	255
10101158	Phạm Hữu Tuấn	Điện - Điện tử	256
10101174	Hoàng Đình Vinh	Điện - Điện tử	257
10101180	Thái Long Vũ	Điện - Điện tử	258
10101234	NGUYỄN TRUNG HIỆU	Điện - Điện tử	259
10101242	Lê Thành Tân	Điện - Điện tử	260
10201006	Nguyễn Tiến Đạt	Điện - Điện tử	261
10201021	Huỳnh Vĩ Kiệt	Điện - Điện tử	262
10201030	Nguyễn Minh Nhựt	Điện - Điện tử	263
10901055	Nguyễn Duy Ninh	Điện - Điện tử	264
10901073	Lê Kim Trọng	Điện - Điện tử	265
10901076	Cao Tấn Tùng	Điện - Điện tử	266
10901086	Phạm Hoài Đức	Điện - Điện tử	267
10901099	NGUYỄN ĐỨC TÍN	Điện - Điện tử	268
10901109	Đỗ Phạm Lâm Sơn	Điện - Điện tử	269
11342005	Phạm Thanh Dũng	Điện - Điện tử	270
11742025	Nguyễn Thành Giang	Điện - Điện tử	271
11742045	MAI NGỌC QUANG	Điện - Điện tử	272
12142221	La Hoàng Sơn	Điện - Điện tử	273
12142239	Đình Quang Thành	Điện - Điện tử	274
12342001	NGUYỄN TUẤN ANH	Điện - Điện tử	275
12342023	Nguyễn Hữu Điền	Điện - Điện tử	276
12342038	Võ Đức Khải	Điện - Điện tử	277
12342053	ĐOÀN VĂN LÝ	Điện - Điện tử	278
1.3852E+11	Bạch Tuấn Đồng	Điện - Điện Tử(KT điện tử)	279
7102065	Dương Đình Lĩnh	Điện Công Nghiệp	280
7102073	LÊ HOÀNG MINH	Điện Công Nghiệp	281
8102049	Mã Tuấn Hưng	Điện Công Nghiệp	282
8102235	lam luong	Điện Công Nghiệp	283
8102429	Nguyễn Ngọc Triễn	Điện Công Nghiệp	284
9102013	Nguyễn Ngọc Chuẩn	Điện Công Nghiệp	285
9102014	Hoàng Thái Công	Điện Công Nghiệp	286
9102021	Nguyễn Quốc Dũng	Điện Công Nghiệp	287

9102122	Nguyễn Nhật Thành	Điện Công Nghiệp	288
9102247	Đỗ Quốc Tú	Điện Công Nghiệp	289
9202039	Tô Nhuận	Điện Công Nghiệp	290
10102026	Nguyễn Đại Dương	Điện Công Nghiệp	291
10102058	Nguyễn Thanh Hoàng	Điện Công Nghiệp	292
10102064	Nguyễn Xuân Huy	Điện Công Nghiệp	293
10102065	PHAN THẾ HÙNG	Điện Công Nghiệp	294
10102076	Nguyễn Linh	Điện Công Nghiệp	295
10102078	bùi phát lợi	Điện Công Nghiệp	296
10102089	NGUYỄN VÕ HUY NAM	Điện Công Nghiệp	297
10102100	Bùi Đình Phong	Điện Công Nghiệp	298
10102117	Huỳnh Tấn Tài	Điện Công Nghiệp	299
10102139	Nguyễn Ngọc Tiến	Điện Công Nghiệp	300
10102144	Châu Đức Toàn	Điện Công Nghiệp	301
10102176	Võ Duy Linh	Điện Công Nghiệp	302
10102185	Võ Quốc Đại	Điện Công Nghiệp	303
10102230	Nguyễn Vĩnh Thịnh	Điện Công Nghiệp	304
10102257	Nguyễn Mạnh Hùng	Điện Công Nghiệp	305
10102258	Trần Thịnh	Điện Công Nghiệp	306
10102263	Đinh Khắc Dũng	Điện Công Nghiệp	307
10202024	Trần Thanh Liêm	Điện Công Nghiệp	308
10202024	Trần Thanh Liêm	Điện Công Nghiệp	309
10702025	Trương Văn Được	Điện Công Nghiệp	310
10702062	Nguyễn Vũ Phong	Điện Công Nghiệp	311
10902002	NGUYỄN THANH GIÀU	Điện Công Nghiệp	312
10902011	PHẠM DƯƠNG CẢNH	Điện Công Nghiệp	313
9902011	Nguyễn Sỹ Hân	Điện Công Nghiệp_sp	314
9902025	Vũ Quyết Thành	Điện Công Nghiệp_sp	315
8117043	Nguyễn Quang Thuận	Điện Tử - Viễn Thông	316
8117070	Trần Hữu Hùng	Điện Tử - Viễn Thông	317
9117026	Hồ Văn Hùng	Điện Tử - Viễn Thông	318
9117038	Phạm Minh Luân	Điện Tử - Viễn Thông	319
9117086	Võ Hà Nguyễn	Điện Tử - Viễn Thông	320
11141001	Nguyễn Bình An	Điện Tử - Viễn Thông	321
11141004	Mai Xuân Anh	Điện Tử - Viễn Thông	322
11141013	Dương Văn Bình	Điện Tử - Viễn Thông	323
11141019	Phạm Đức Chung	Điện Tử - Viễn Thông	324
11141046	Nguyễn Thành Đạt	Điện Tử - Viễn Thông	325
11141049	Nguyễn Bá Đông	Điện Tử - Viễn Thông	326
11141065	Trần Công Hậu	Điện Tử - Viễn Thông	327
11141075	Hồ Bảo Hòa	Điện Tử - Viễn Thông	328
11141086	Nguyễn Thị Bích Hợp	Điện Tử - Viễn Thông	329

11141088	Giang Phi Hùng	Điện Tử - Viễn Thông	330
11141097	Trần Hữu Hưng	Điện Tử - Viễn Thông	331
11141161	Trần Văn Phúc	Điện Tử - Viễn Thông	332
11141184	Nguyễn Văn Tâm	Điện Tử - Viễn Thông	333
11141194	Tô Ngọc Thành	Điện Tử - Viễn Thông	334
11141211	Nguyễn Thị Thanh Tiền	Điện Tử - Viễn Thông	335
11141263	Nguyễn Xuân Xinh	Điện Tử - Viễn Thông	336
11141333	KaTrung	Điện Tử - Viễn Thông	337
11141351	Đào Minh Trí	Điện Tử - Viễn Thông	338
11141425	Lê Thị Minh Thùy	Điện Tử - Viễn Thông	339
11341056	Đinh Viết Ngọc	Điện Tử - Viễn Thông	340
11741067	Nguyễn Minh Tân	Điện Tử - Viễn Thông	341
11741078	Bùi Anh Tuấn	Điện Tử - Viễn Thông	342
11941002	Nguyễn Đức Anh	Điện Tử - Viễn Thông	343
12141048	Nguyễn tấn Đạt	Điện Tử - Viễn Thông	344
12141638	Lê Tiến Sĩ	Điện Tử - Viễn Thông	345
12141704	Đỗ Nguyễn Anh Tuấn	Điện Tử - Viễn Thông	346
12341022	Nguyễn Thái Dương	Điện Tử - Viễn Thông	347
12341025	Nguyễn Tấn Đạt	Điện Tử - Viễn Thông	348
12341054	Trần Tuấn Kiệt	Điện Tử - Viễn Thông	349
12341096	Đặng Minh Tâm	Điện Tử - Viễn Thông	350
12341124	Trần Minh Tuấn	Điện Tử - Viễn Thông	351
12741089	Trần Thị Thu Ngân	Điện Tử - Viễn Thông	352
12741110	Hồ Thị Như Phượng	Điện Tử - Viễn Thông	353
12741160	Phạm Thanh Việt	Điện Tử - Viễn Thông	354
11141166	Lê Anh Pôn	Điện Tử - Viễn Thông	355
Vjec	LÊ VĂN CỨNG	Điện Tử - Viễn Thông	356
Vjec	TRẦN THÁI SƠN	Điện Tử - Viễn Thông	357
Vjec	NGUYỄN THANH PHONG	Điện Tử - Viễn Thông	358
Vjec	NGUYỄN GIANG THẠCH	Điện Tử - Viễn Thông	359
Vjec	LÊ HOÀI NAM	Điện Tử - Viễn Thông	360
Vjec	NGUYỄN MINH QUANG	Điện Tử - Viễn Thông	361
Vjec	NGUYỄN HỮU SƠN'	Điện Tử - Viễn Thông	362
Vjec	TRƯƠNG CÔNG HOÀNG	Điện Tử - Viễn Thông	363
Vjec	PHẠM MINH THUẬN	Điện Tử - Viễn Thông	364
Vjec	NGUYỄN VIỆT MINH	Điện Tử - Viễn Thông	365
Vjec	TRẦN QUANG HIỆP	Điện Tử - Viễn Thông	366
Vjec	NGUYỄN THAÀNH CÔNG	Điện Tử - Viễn Thông	367
Vjec	NGYỄN HỮU AN	Điện Tử - Viễn Thông	368
9917416	Lê Thị Lộc	Điện Tử - Viễn Thông_sp	369
10917006	Nguyễn Như Tuấn	Điện Tử - Viễn Thông_sp	370
10917024	Nguyễn Trọng Nghĩa	Điện Tử - Viễn Thông_sp	371

10917027	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Điện Tử - Viễn Thông_sp	372
10917028	Phạm Sanh	Điện Tử - Viễn Thông_sp	373
10917039	Phạm Hữu Vinh	Điện Tử - Viễn Thông_sp	374
10917041	Nguyễn Nhật Anh	Điện Tử - Viễn Thông_sp	375
10917052	Trần Thị Trà Miên	Điện Tử - Viễn Thông_sp	376
10917057	Phạm Quý Nhân	Điện Tử - Viễn Thông_sp	377
10917061	Phan Nguyễn Trúc Phương	Điện Tử - Viễn Thông_sp	378
10917068	Le Duy Song Toan	Điện Tử - Viễn Thông_sp	379
10917069	Đoàn Quang Trung	Điện Tử - Viễn Thông_sp	380
10917071	Lê Đức Tuấn	Điện Tử - Viễn Thông_sp	381
10917075	Mai Thanh Tùng	Điện Tử - Viễn Thông_sp	382
10917077	Nguyễn Thanh Việt	Điện Tử - Viễn Thông_sp	383
10917078	Hà Minh Vương	Điện Tử - Viễn Thông_sp	384
Vjec	NGUYỄN VĂN THIÊN	Điện Tử Công Nghiệp	385
Vjec	LÊ VŨ PHONG	Điện Tử Công Nghiệp	386
Vjec	TRẦN HOÀNG ĐĂNG	Điện Tử Công Nghiệp	387
Vjec	NGUYỄN NGỌC TUẤN	Điện Tử Công Nghiệp	388
Vjec	TRẦN TuẤN PHƯƠNG	Điện Tử Công Nghiệp	389
Vjec	NGUYỄN ĐỨC THANH	Điện Tử Công Nghiệp	390
Vjec	HUYỄNH MINH LÝ	Điện Tử Công Nghiệp	391
Vjec	NGUYỄN PHƯỚC HÀO	Điện Tử Công Nghiệp	392
Vjec	CAO VŨ BẢO	Điện Tử Công Nghiệp	393
Vjec	CAO LÊ THƯƠNG HOÀI	Điện Tử Công Nghiệp	394
Vjec	HUYỄNH XUÂN THƯƠNG	Điện Tử Công Nghiệp	395
9118074	Nguyễn Kim Hưng	Điện Tự Động	396
9118126	Nguyễn Chí Thanh	Điện Tự Động	397
9118126	Nguyễn Chí Thanh	Điện Tự Động	398
8116058	Thạch Thị Chal Thi	Công nghệ Thực Phẩm	399
10116008	Nguyễn Chí Công	Công nghệ Thực Phẩm	400
10116017	Phan Thị Hằng	Công nghệ Thực Phẩm	401
10116018	Phạm Thị Thái Hòa	Công nghệ Thực Phẩm	402
10116020	Văn Thị Hòa	Công nghệ Thực Phẩm	403
10116022	Nguyễn Thị Hồng	Công nghệ Thực Phẩm	404
10116026	Trần Quốc Huy	Công nghệ Thực Phẩm	405
10116028	Lý Minh Khải	Công nghệ Thực Phẩm	406
10116032	Phạm Tuấn Long	Công nghệ Thực Phẩm	407
10116045	Nguyễn Tấn Nhựt	Công nghệ Thực Phẩm	408
10116069	Lê Hồng Mỹ Tiên	Công nghệ Thực Phẩm	409
10116085	Lê Anh Tú	Công nghệ Thực Phẩm	410
10116091	Sơn Thị Thanh Tuyền	Công nghệ Thực Phẩm	411
10116092	NGUYỄN THỊ TUYẾT	Công nghệ Thực Phẩm	412
10116093	Nguyễn Thị Kim Uyên	Công nghệ Thực Phẩm	413

11116008	Lê Thị Chiến	Công nghệ Thực Phẩm	414
11116017	Lê Thị Mỹ Duyên	Công nghệ Thực Phẩm	415
11116022	Nguyễn Thị Thảo Hà	Công nghệ Thực Phẩm	416
11116058	Lê Giang Huế Thanh	Công nghệ Thực Phẩm	417
2111160059	TRẦN THỊ NGỌC VIÊN	Công nghệ Thực Phẩm	418
10125008	Đậu Thị Linh Chi	Kế Toán	419
10125017	Phan Thị Bích Hào	Kế Toán	420
10125021	Lê Thị Huệ	Kế Toán	421
10125030	Hồ Thị Liên	Kế Toán	422
10125032	Bùi Ngọc Tố Linh	Kế Toán	423
10125038	Võ Thị Kim Loan	Kế Toán	424
10125055	Đặng Thanh Nhân	Kế Toán	425
10125058	Nguyễn Thị Ninh	Kế Toán	426
10125076	Lê Thị Thoa	Kế Toán	427
10125093	Nguyễn Thị Thu Tùng	Kế Toán	428
10125098	Lê Thị Vận	Kế Toán	429
10125182	Lê Hồng Vân	Kế Toán	430
10316901	Đỗ Thu Hằng	Kế Toán	431
11116086	Nguyễn Minh Nam	Kế Toán	432
11125018	Trương Thị Ngọc Giàu	Kế Toán	433
11125028	Phạm Thị Ánh Hoa	Kế Toán	434
11125064	Lâm Thị Phúc	Kế Toán	435
11125082	Võ Thị Thêm	Kế Toán	436
12125083	Đoàn Thị Anh Thư	Kế Toán	437
5154041002	Trương Thị Thúy An	Kế Toán	438
7104102	Đỗ Anh Tuấn	Kỹ Thuật Công Nghiệp	439
9104069	Nguyễn Tiến Long	Kỹ Thuật Công Nghiệp	440
9104103	Nguyễn Vũ Tùng	Kỹ Thuật Công Nghiệp	441
9904016	Lê Hoàng Nhân	Kỹ Thuật Công Nghiệp	442
9904025	NGUYỄN THỊ THU	Kỹ Thuật Công Nghiệp	443
10104055	Cao Văn Trí	Kỹ Thuật Công Nghiệp	444
10104056	TRƯƠNG CÔNG VŨ	Kỹ Thuật Công Nghiệp	445
10904003	Nguyễn Thái Dương	Kỹ Thuật Công Nghiệp	446
10904006	Nguyễn Thị Huyền	Kỹ Thuật Công Nghiệp	447
10904014	Lâm Thị Lệ Quyền	Kỹ Thuật Công Nghiệp	448
10904018	Đỗ Văn Trường	Kỹ Thuật Công Nghiệp	449
11104012	Đặng Hậu	Kỹ Thuật Công Nghiệp	450
11104040	Nguyễn Cao Can	Kỹ Thuật Công Nghiệp	451
11104066	Phạm Văn Mạnh	Kỹ Thuật Công Nghiệp	452
12104236	Kỷ Phúc Tiên	Kỹ Thuật Công Nghiệp	453
8119016	Lương Gia Định	Kỹ Thuật Máy Tính	454
8119034	Đỗ Trung Nguyên	Kỹ Thuật Máy Tính	455

9119071	Bùi Văn Quang Vỹ	Kỹ Thuật Máy Tính	456
10119013	Trần Tâm Giác	Kỹ Thuật Máy Tính	457
10119032	Nguyễn Phước Nhân	Kỹ Thuật Máy Tính	458
10119041	Trần Thành Tâm	Kỹ Thuật Máy Tính	459
10119118	Trần Văn Sáng	Kỹ Thuật Máy Tính	460
11119016	Trần Tâm Hào	Kỹ Thuật Máy Tính	461
11119085	Tổng Ngọc Thơ	Kỹ Thuật Máy Tính	462
11119155	Nguyễn Thanh Bảo	Kỹ Thuật Máy Tính	463
11119159	Huỳnh Thị Kim Chi	Kỹ Thuật Máy Tính	464
11119163	Trần Minh Đình	Kỹ Thuật Máy Tính	465
11119172	Phạm Thế Hiền	Kỹ Thuật Máy Tính	466
11119183	Lê Khánh Nhựt	Kỹ Thuật Máy Tính	467
11119202	Hoàng Thanh Tuấn	Kỹ Thuật Máy Tính	468
10113083	Phạm Bá Thắng	Kỹ Thuật Nhiệt Điện Lạnh	469
10113987	Lê Nguyễn Trãi	Kỹ Thuật Nhiệt Điện Lạnh	470
11147063	Huỳnh Ngọc Tín	Kỹ Thuật Nhiệt Điện Lạnh	471
11247002	Lê Phi Long	Kỹ Thuật Nhiệt Điện Lạnh	472
9121007	trần nguyễn thủy linh	Kỹ Thuật Nữ Công	473
10121025	LÊ THỊ KIM PHỤNG	Kỹ Thuật Nữ Công	474
	Nguyễn Thị Thúy An	LUẬT	475
7254	Nguyen Manh Tuan	Mechatronic and Sensor System	476
9124015	Võ Hoàng Anh Duy	Quản Lý Công Nghiệp	477
10124003	PHẠM THỊ KIM ANH	Quản Lý Công Nghiệp	478
10124020	Tô Phát Đạt	Quản Lý Công Nghiệp	479
10124026	Trần Thị Huệ	Quản Lý Công Nghiệp	480
10124042	Phạm Tiểu My	Quản Lý Công Nghiệp	481
10124059	Phạm Ngọc Quý	Quản Lý Công Nghiệp	482
10124062	Võ Nhật Tân	Quản Lý Công Nghiệp	483
10124066	Mai Phương Thanh	Quản Lý Công Nghiệp	484
10124075	Phạm Thị Thanh Thủy	Quản Lý Công Nghiệp	485
10124082	Võ Thị Thanh Trà	Quản Lý Công Nghiệp	486
10124084	Võ Thị Thuỳ Trang	Quản Lý Công Nghiệp	487
10124097	Nguyễn Quang Vinh	Quản Lý Công Nghiệp	488
10124104	Lê Thế Anh	Quản Lý Công Nghiệp	489
10124110	Lê Văn Đạt	Quản Lý Công Nghiệp	490
10124122	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Quản Lý Công Nghiệp	491
10124129	Bùi Thị Thương	Quản Lý Công Nghiệp	492
10124136	Hà Anh Tuấn	Quản Lý Công Nghiệp	493
11124001	Lê Võ Thúy Ái	Quản Lý Công Nghiệp	494
11124002	Huỳnh Thị Ngọc Anh	Quản Lý Công Nghiệp	495
11124006	Đặng Thị Diễm	Quản Lý Công Nghiệp	496
11124010	Phan Thị Mỹ Duyên	Quản Lý Công Nghiệp	497

11124014	Ôn Huỳnh Giao	Quản Lý Công Nghiệp	498
11124015	Lê Phạm Ngọc Hà	Quản Lý Công Nghiệp	499
11124016	Nguyễn Thị Thu Hà	Quản Lý Công Nghiệp	500
11124017	Trần Thị Thảo Hà	Quản Lý Công Nghiệp	501
11124018	Đỗ Hoàng Hải	Quản Lý Công Nghiệp	502
11124019	Nguyễn Thị Như Hải	Quản Lý Công Nghiệp	503
11124019	Nguyễn Thị Như Hải	Quản Lý Công Nghiệp	504
11124023	Tăng Hoàng Hội	Quản Lý Công Nghiệp	505
11124029	Nguyễn Thị Hằng Ly	Quản Lý Công Nghiệp	506
11124034	Lý Thị Ngọc Mỹ	Quản Lý Công Nghiệp	507
11124036	LÊ THỊ KIM NGÂN	Quản Lý Công Nghiệp	508
11124039	Lê Thị Nhâm	Quản Lý Công Nghiệp	509
11124043	Võ Thị Nguyên Như	Quản Lý Công Nghiệp	510
11124045	Lê Thị Nữ	Quản Lý Công Nghiệp	511
11124046	Đỗ Tiến Phát	Quản Lý Công Nghiệp	512
11124049	Ngô Thị Phụng	Quản Lý Công Nghiệp	513
11124051	Trần Hoàng Quân	Quản Lý Công Nghiệp	514
11124052	Phạm Thị Quý	Quản Lý Công Nghiệp	515
11124058	Phạm Thị Lệ Thanh	Quản Lý Công Nghiệp	516
11124062	Trần Thị Ngọc Thắm	Quản Lý Công Nghiệp	517
11124063	Nguyễn Thị Thoa	Quản Lý Công Nghiệp	518
11124065	Nguyễn Thị Lệ Thủy	Quản Lý Công Nghiệp	519
11124067	Nguyễn Thị Hồng Tiến	Quản Lý Công Nghiệp	520
11124069	Nguyễn Hữu Trí	Quản Lý Công Nghiệp	521
11124072	Võ Thị Huệ Trinh	Quản Lý Công Nghiệp	522
11124074	Nguyễn Thị Thanh Tú	Quản Lý Công Nghiệp	523
11124075	Trần Anh Tú	Quản Lý Công Nghiệp	524
11124076	Hoàng Minh Tuấn	Quản Lý Công Nghiệp	525
11124125	Lê Ngọc Anh	Quản Lý Công Nghiệp	526
11124126	Lê Thị Mỹ Chi	Quản Lý Công Nghiệp	527
11124127	Đỗ Thị Huy Chính	Quản Lý Công Nghiệp	528
11124128	Trương Thị Anh Diễm	Quản Lý Công Nghiệp	529
11124132	Đặng Thị Thu Hà	Quản Lý Công Nghiệp	530
11124135	Võ Thị Xuân Hạnh	Quản Lý Công Nghiệp	531
11124137	Nguyễn Hữu Hiệu	Quản Lý Công Nghiệp	532
11124139	Nguyễn Thị Kim Hoanh	Quản Lý Công Nghiệp	533
11124140	Đoàn Thị Thu Hồng	Quản Lý Công Nghiệp	534
11124146	Trần Thị Kiều	Quản Lý Công Nghiệp	535
11124151	Lê Thị Thanh Nga	Quản Lý Công Nghiệp	536
11124155	Nguyễn Thị Yến Nhi	Quản Lý Công Nghiệp	537
11124156	Lê Thị Hồng Nhung	Quản Lý Công Nghiệp	538
11124157	Nguyễn Thị Tiểu Phụng	Quản Lý Công Nghiệp	539

11124160	Trần Việt Anh Phương	Quản Lý Công Nghiệp	540
11124162	Nguyễn Văn Quốc	Quản Lý Công Nghiệp	541
11124164	Lê Quang Tân	Quản Lý Công Nghiệp	542
11124170	Lê Thị Mộng Thơ	Quản Lý Công Nghiệp	543
11124171	Nguyễn Văn Thu	Quản Lý Công Nghiệp	544
11124172	Lê Đức Thuận	Quản Lý Công Nghiệp	545
11124176	Võ Thị Phương Thức	Quản Lý Công Nghiệp	546
11124177	Võ Quốc Tín	Quản Lý Công Nghiệp	547
11124180	Nguyễn Thị Việt Trinh	Quản Lý Công Nghiệp	548
11124183	Nguyễn Nhật Tứ	Quản Lý Công Nghiệp	549
11124186	Nguyễn Văn Vượng	Quản Lý Công Nghiệp	550
11124187	Nguyễn Thị Tường Vy	Quản Lý Công Nghiệp	551
Vjec	NGUYỄN THỊ THOA	Quản Lý Công Nghiệp	552
Vjec	NGUYỄN THỊ KIM OANH	Quản Lý Công Nghiệp	553
Vjec	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	Quản Lý Công Nghiệp	554
Vjec	NGUYỄN THỊ HỒNG TIẾN	Quản Lý Công Nghiệp	555
Vjec	NGUYỄN THỊ TIÊU PHỤNG	Quản Lý Công Nghiệp	556
Vjec	NGUYỄN THỊ THU THẢO	Quản Lý Công Nghiệp	557
Vjec	ĐÀO VŨ PHƯƠNG	Quản Lý Công Nghiệp	558
Vjec	TRẦN VIỆT ANH PHUONG	Quản Lý Công Nghiệp	559
Vjec	TRẦN HOÀNG QUÂN	Quản Lý Công Nghiệp	560
Vjec	ĐOÀN THỊ THU HỒNG	Quản Lý Công Nghiệp	561
Vjec	NGUYỄN NHẬT TỨ	Quản Lý Công Nghiệp	562
1054003341	Vũ Thị Thảo	Quản Trị Kinh Doanh	563
30326100237	CAO HÀ THU THỦY	Quản Trị Kinh Doanh	564
129179535/1	Tạ Phước Thành	Quản Trị Kinh Doanh	565
139180066/1	Lê Thị Thủy Tiên	Quản Trị Kinh Doanh	566
B100134	Lê Hoàng Hiệp	Quản Trị Kinh Doanh	567
10150093	Phạm My Tuyen	Quản Trị Kinh Doanh	568
11401508	Nguyễn Thị Quý	Quản trị nhân lực	569
110.000.884	PHẠM MAI TRINH	Tài Chính	570
31111022754	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Tài Chính Doanh Nghiệp	571
9120089	Ngô Thùy Trang	Tiếng Anh Kỹ Thuật	572
10120028	Nguyễn Thị Anh Thùy	Tiếng Anh Kỹ Thuật	573
10120064	Nguyễn Thị Thuý Nga	Tiếng Anh Kỹ Thuật	574
10120071	Lê Kim Hoàng Thảo	Tiếng Anh Kỹ Thuật	575
10120076	LÊ HUỲNH KIM THI	Tiếng Anh Kỹ Thuật	576
10128060	Nguyễn Thị Thanh Ngân	Tiếng Anh Kỹ Thuật	577
9914422	Vũ Thành Quyết	Xây dựng DD&CN	578
10114023	Lê Quốc Duy	Xây dựng DD&CN	579
10114041	Nguyễn Văn Hiệp	Xây dựng DD&CN	580
10114056	Bùi Thanh Hùng	Xây dựng DD&CN	581

10114076	Dương Nhật Linh	Xây dựng DD&CN	582
10114136	NGUYỄN DƯƠNG HỮU	Xây dựng DD&CN	583
10114147	Nguyễn Ngọc Toàn	Xây dựng DD&CN	584
10114153	Nguyễn Công Trí	Xây dựng DD&CN	585
10114167	ĐỖ VĂN TỰ	Xây dựng DD&CN	586
10114175	NGUYỄN VĂN VINH	Xây dựng DD&CN	587
10114186	Lâm Tốt	Xây dựng DD&CN	588
10914002	Nguyễn Thị Hồng Diệp	Xây dựng DD&CN	589
11149021	BÙI NHẤT QUỐC CHƯƠNG	Xây dựng DD&CN	590
11149041	TÔ VĂN ĐƯƠNG	Xây dựng DD&CN	591
11149084	Nguyễn Văn Lực	Xây dựng DD&CN	592
11149095	nguyễn tấn nhi	Xây dựng DD&CN	593
11149164	Trần Đình Út	Xây dựng DD&CN	594
11149165	Nguyễn Hồng Vân	Xây dựng DD&CN	595
11149169	Lê An Vĩnh	Xây dựng DD&CN	596
11949031	nguyễn ngọc nhu	Xây dựng DD&CN	597
80901009	Trần Minh Cảnh	Xây dựng DD&CN	598
1L01129	Ngô Ngọc Quốc	Xây dựng DD&CN	599
10914004	Đặng Minh Hiệp	Xây dựng DD&CN- SP	600
10914004	Đặng Minh Hiệp	Xây dựng DD&CN- SP	601
10914022	Huỳnh Nguyễn Quốc Chí	Xây dựng DD&CN- SP	602
10914125	Đinh Minh Vũ	Xây dựng DD&CN- SP	603